

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2025/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 -2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 62/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Nguồn thu ngân sách tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

a) Thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh quản lý; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Lệ phí môn bài (kể cả thu nợ thuế môn bài) thu từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh quản lý; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Tiền thuê đất, thuê mặt nước;

d) Tiền sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất của các dự án, công trình do xã, phường đầu tư và quản lý);

đ) Giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành (M3);

e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước;

ê) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc tỉnh quản lý;

g) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh (không bao gồm các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh) xử lý;

h) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

i) Thuế tài nguyên, tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với việc khai thác yếm sào tỉnh Bình Định;

k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;

l) Thu từ quỹ dự trữ tài chính của tỉnh;

m) Phí nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định do các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh thực hiện thu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

n) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh thực hiện thu; lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);

o) Thu từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh quản lý nộp ngân sách theo quy định của pháp luật (kể cả các khoản thuế theo quy định);

ô) Các khoản thu huy động cho ngân sách tỉnh của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước bao gồm: huy động theo quy định của pháp luật; huy động đóng góp tự nguyện để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng; đóng góp tự nguyện khác;

Trần Văn Nhân

o) Các khoản tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh thực hiện;

p) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương hưởng theo quy định;

q) Thu kết dư ngân sách tỉnh;

r) Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;

s) Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang;

t) Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho ngân sách tỉnh của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài;

u) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

v) Tiền đền bù thiệt hại về đất (trừ tiền đền bù thiệt hại về đất đối với quỹ đất công ích do xã, phường quản lý);

x) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước;

y) Tiền chậm nộp phát sinh từ các khoản thu nêu trên của khoản này hoặc từ người nộp gắn với cấp tỉnh quản lý.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương với ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường:

a) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương với ngân sách tỉnh:

- Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) thu từ các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và hoạt động xổ số kiến thiết) thu từ các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);

- Thuế thu nhập cá nhân do cơ quan Thuế cấp tỉnh và cơ quan Thuế cấp cơ sở quản lý;

- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

b) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương với ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường:

- Thuế giá trị gia tăng thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh.



c) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường:

- Lệ phí môn bài (kể cả thu nợ thuế môn bài) thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
- Thuế nhà, đất (nếu có);
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- Lệ phí trước bạ nhà, đất.

d) Tiền chậm nộp phát sinh từ các khoản thu phân chia cho ngân sách tỉnh: ngân sách tỉnh hưởng bằng tỷ lệ phần trăm ngân sách tỉnh hưởng từ các khoản thu phân chia.

3. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Thực hiện nhiệm vụ chi cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình;

c) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính nhà nước của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại địa phương;

đ) Phân chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế, bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý:

- Giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý; lập biên báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường theo quy định do tỉnh quản lý;

- Nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm, trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do tỉnh quản lý; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư của các đơn vị trực thuộc tỉnh; khoanh nuôi, bảo vệ, phòng, chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc nhiệm vụ của các cơ quan cấp tỉnh;

- Chi công tác quy hoạch đất đai theo phân cấp;

- Công tác quản lý đất đai: đo lưới địa chính cấp I, cấp II; đo vẽ chi tiết, thành lập bản đồ địa chính sau khi có bản đồ địa chính cơ sở do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp; đo đạc, thành lập bản đồ địa chính các khu vực không có bản đồ địa chính cơ sở; thành lập và in bản đồ hành chính (trừ bản đồ hành chính cấp tỉnh); đăng ký đất đai, lập hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc cấp tỉnh; thống kê hiện trạng sử dụng đất hàng năm toàn tỉnh; tổng kiểm kê đất đai định kỳ theo quy định của Luật đất đai toàn tỉnh; chỉnh lý đăng ký biến động đất đai toàn tỉnh; đánh giá phân hạng đất; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai định kỳ toàn tỉnh; quản lý, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ và quản lý đất đai theo quy định;

- Điều tra cơ bản;

- Các hoạt động bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này và các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật;

- Các sự nghiệp kinh tế khác do tỉnh quản lý.

b) Sự nghiệp giáo dục: hệ thống trường Trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú có cấp Trung học phổ thông; trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên; trường giáo dục cho người tàn tật, khuyết tật; hỗ trợ giáo dục thường xuyên (bổ túc văn hóa); xóa mù chữ, phổ cập giáo dục đúng độ tuổi và duy trì kết quả phổ cập giáo dục;

c) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: đào tạo đại học tại chức, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

d) Sự nghiệp y tế: phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác trên địa bàn tỉnh;

đ) Dân số và gia đình: các hoạt động dân số, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh;

e) Chi đảm bảo xã hội: các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội và thực hiện các chính sách xã hội khác;

g) Sự nghiệp văn hóa, thông tin: bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa, thông tin khác;

h) Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tấn khác;

i) Sự nghiệp thể dục thể thao: bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;

k) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: thực hiện các nhiệm vụ chi của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

l) Các sự nghiệp khác do tỉnh quản lý;

m) Quốc phòng: huấn luyện, tập huấn cán bộ dân quân tự vệ; tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác; hoạt động của các đơn vị tự vệ luân phiên thoát ly sản xuất làm nghĩa vụ thường trực chiến đấu hoặc sẵn sàng chiến đấu ở những vùng trọng điểm biên giới, hải đảo trong một số trường hợp đặc biệt theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng; xây dựng phương án phòng thủ khu vực; chỉ công tác diễn tập phòng thủ; vận chuyển vũ khí, khí tài, quân trang, quân dụng cho lực lượng dân quân tự vệ và quân nhân dự bị; tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về;

n) An ninh và trật tự an toàn xã hội: hỗ trợ các chiến dịch phòng ngừa, phòng chống các loại tội phạm; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội; hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy; hỗ trợ sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

o) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh;

p) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;

q) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật; hỗ trợ cho các đơn vị thuộc ngành dọc hay các đơn vị khác khi có sự phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ của tỉnh;

r) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện;

s) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

t) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do tỉnh vay theo quy định.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

5. Chi viện trợ.

6. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"Điều 7. Nguồn thu của ngân sách xã, phường

1. Các khoản thu ngân sách xã, phường hưởng 100%:

a) Tiền sử dụng đất của các dự án, công trình do xã, phường đầu tư và quản lý;

b) Các khoản phí, lệ phí thu vào ngân sách xã, phường theo quy định;

V. nhah

c) Thu từ các đơn vị sự nghiệp do xã, phường quản lý nộp ngân sách theo quy định của pháp luật (kể cả thuế tài nguyên nếu có);

d) Thu đầu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do xã, phường quản lý;

đ) Tiền đền bù thiệt hại về đất đối với quỹ đất công ích do xã, phường quản lý;

e) Các khoản tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do xã, phường thực hiện;

g) Các khoản huy động đóng góp cho ngân sách xã, phường của tổ chức, cá nhân, gồm: các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật; các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã, phường quyết định đưa vào ngân sách xã, phường để quản lý; các khoản đóng góp tự nguyện khác;

h) Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho ngân sách xã, phường của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước;

i) Thu kết dư ngân sách xã, phường;

k) Thu chuyển nguồn của ngân sách xã, phường từ năm trước chuyển sang;

l) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

m) Tiền chậm nộp phát sinh từ các khoản thu nêu trên của khoản này hoặc từ người nộp gắn với xã, phường quản lý.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 Quy định này. Trường hợp phát sinh thu chậm nộp từ các khoản thu này thì ngân sách xã, phường hưởng bằng tỷ lệ phần trăm ngân sách xã, phường hưởng từ các khoản thu phân chia.

3. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường

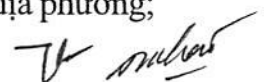
1. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư phát triển đối với ngân sách xã, phường bao gồm: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh từ nguồn ngân sách và nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân.

Trường hợp nếu nguồn thu ngân sách xã, phường hưởng 100% và nguồn thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) lớn hơn nhiệm vụ chi thường xuyên thì được sử dụng nguồn thu này để chi đầu tư các công trình trụ sở, nhà trẻ, mẫu giáo và các cơ sở hạ tầng khác do xã, phường quản lý.

2. Chi thường xuyên:

a) Hoạt động của các cơ quan nhà nước xã, phường; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Trung ương và địa phương;



b) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã, phường;

c) Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác nếu có);

d) Đóng, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ chuyên trách, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách xã, phường và các đối tượng khác theo chế độ quy định;

đ) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

- Tuyên truyền, giáo dục phong trào toàn dân bảo vệ an ninh; hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội; hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; hỗ trợ hoạt động an ninh, trật tự ở cơ sở;

- Huấn luyện, tập huấn dân quân tự vệ do xã, phường triệu tập; các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ; đăng ký nghĩa vụ quân sự, tiễn đưa thanh niên đi nghĩa vụ quân sự;

- Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân; công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về; đăng ký quân nhân dự bị; huấn luyện nghiệp vụ dân quân tự vệ; chi công tác diễn tập phòng thủ;

- Các khoản chi an ninh - quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.

e) Công tác đảm bảo xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thông tấn, thể dục thể thao do xã, phường quản lý;

g) Sự nghiệp giáo dục: hệ thống nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non; trường tiểu học; trường trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông; hỗ trợ giáo dục thường xuyên (bổ túc văn hóa); xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, phổ cập giáo dục đúng độ tuổi và duy trì kết quả phổ cập giáo dục; hỗ trợ các lớp bổ túc văn hóa;

h) Sự nghiệp y tế: phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác trên địa bàn xã, phường;

i) Hoạt động sự nghiệp kinh tế do xã, phường quản lý:

- Giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do xã, phường quản lý;

- Nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm, trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do xã, phường quản lý; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư của các đơn vị trực thuộc xã, phường; bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc nhiệm vụ của các cơ quan xã, phường;

- Chi công tác quy hoạch đất đai theo phân cấp;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Công tác quản lý đất đai do xã, phường quản lý: đăng ký đất đai, lập hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thống kê hiện trạng sử dụng đất hàng

Thư ký

năm; tổng kiểm kê đất đai định kỳ theo quy định của Luật Đất đai; chỉnh lý đăng ký biến động đất đai; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất định kỳ; lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã; quản lý, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ và quản lý đất đai theo quy định);

- Xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác của xã, phường;
- Các sự nghiệp kinh tế khác.

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

l) Hoạt động bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này và các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật;

m) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: thực hiện các nhiệm vụ chi của cấp xã theo quy định của pháp luật;

n) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc xã, phường quản lý theo quy định của pháp luật; hỗ trợ cho các đơn vị thuộc ngành dọc hay các đơn vị khác khi có sự phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ của xã, phường;

o) Các sự nghiệp khác do xã, phường quản lý.

3. Chi thực hiện theo các nhiệm vụ của cấp trên có thẩm quyền giao.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách xã, phường.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Phân loại xã, phường

Việc phân chia tỷ lệ phần trăm đối với các xã, phường theo vùng.

Các xã, phường ở vùng đồng bằng gồm: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Nhơn Châu, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc, Phù Cát, Xuân An, Ngô Mỹ, Cát Tiến, Đề Gi, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Bắc, Tuy Phước, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Bắc, Tây Sơn, Bình Khê, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Hoài Ân, Ân Tường, Kim Sơn, Vạn Đức, Ân Hào.

Các xã ở vùng miền núi gồm: Vân Canh, Canh Vinh, Canh Liên, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, An Hòa, An Lão, An Vinh, An Toàn.”

6. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương với ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường (theo phụ lục số 02 kèm theo)

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương với ngân sách tỉnh và ngân sách xã, phường:



Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu), thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh; thuế thu nhập cá nhân.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia do Chính phủ giao.

b) Việc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách tỉnh với ngân sách xã, phường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp lĩnh vực ngoài quốc doanh (trừ các đơn vị, doanh nghiệp do cơ quan Thuế cấp tỉnh quản lý); Lệ phí môn bài (kể cả thu nợ thuế môn bài) thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế nhà, đất (nếu có); thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí trước bạ nhà, đất được phân chia ngân sách xã, phường hưởng theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục số 02 đính kèm.

- Thuế thu nhập cá nhân do cơ quan Thuế cấp cơ sở quản lý được phân chia ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nêu trên áp dụng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“**Điều 12.** Thời gian ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 cho đến khi có văn bản của Trung ương thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, Điều, Phụ lục của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thay thế cụm từ “xã, thị trấn” thành cụm từ “xã, phường” tại khoản 4 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6 và Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thay thế Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022, Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH; VPCP; Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo); TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT; hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng



PHỤ LỤC SỐ 01

QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương	Thuộc nhiệm vụ chi cấp ngân sách	
	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:		
a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.	X	X
b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn.	X	X
2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm (không bao gồm dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công), gồm có:		
a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn;	X	X
b) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn.	X	X
3. Trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:		
a) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.	X	X
b) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).	X	-
4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của địa phương và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.	X	X
5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:		
a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của địa phương.	X	-
b) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của địa phương, bao gồm:		
- Quan trắc, thống kê, quản lý thông tin, dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học;	X	-
- Tổ chức xây dựng báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học, báo cáo hiện trạng khu bảo tồn;	X	-
- Lập, thẩm định Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Danh mục loài ngoại lai xâm hại, Danh mục loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên, Danh mục loài hoang dã được khai thác có điều kiện ngoài tự nhiên, Danh mục nguồn gen bị cấm xuất khẩu; điều tra, đánh giá quần thể để sửa đổi, bổ sung Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;	X	-
- Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học;	X	X
- Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học;	X	X
- Hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.	X	X
c) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.	X	-
d) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước.	X	-
đ) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh.	X	-

Thư ký

Hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương	Thuộc nhiệm vụ chỉ cấp ngân sách	
	Cấp tỉnh	Cấp xã
e) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính trên địa bàn.	X	-
6. Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.	X	X
7. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm:		
a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.	X	X
b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường).	X	X
8. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm:		
a1) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;	X	-
a2) Xây dựng, điều chỉnh chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương.	X	X
b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh.	X	X
c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn.	X	X
d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	X	X
đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường.	X	X
e1) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;	X	X
e2) Cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường.	X	X
g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	X	X
h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.	X	X
i) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.	X	X
9. Các hoạt động sự nghiệp về môi trường khác do tỉnh quản lý	X	-
10. Các hoạt động sự nghiệp về môi trường khác do xã quản lý	-	X

Ghi chú:

"X": Hoạt động có thực hiện;

"-": Hoạt động không thực hiện.

Thư *nhân*



PHỤ LỤC SỐ 02
TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: phần trăm (%)

STT	Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng lĩnh vực ngoài quốc doanh (trừ các đơn vị, doanh nghiệp do cơ quan thuế cấp tỉnh theo dõi địa bàn Bình Định quản lý)	Thuế thu nhập doanh nghiệp lĩnh vực ngoài quốc doanh (trừ các đơn vị, doanh nghiệp do cơ quan thuế cấp tỉnh theo dõi địa bàn Bình Định quản lý)	Thuế nhà, đất; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Lệ phí (hoặc thuế) môn bài cá nhân và hộ kinh doanh	Lệ phí trước bạ nhà, đất
1	Phường Quy Nhơn	5	5	5	5	5	0
2	Phường Quy Nhơn Đông	10	10	100	100	100	100
3	Phường Quy Nhơn Tây	5	5	5	5	5	0
4	Phường Quy Nhơn Nam	5	5	5	5	5	0
5	Phường Quy Nhơn Bắc	5	5	5	5	5	0
6	Xã Nhơn Châu	10	10	100	100	100	100
7	Phường Bình Định	5	5	100	100	100	100
8	Phường An Nhơn	5	5	100	100	100	100
9	Phường An Nhơn Đông	10	10	100	100	100	100
10	Phường An Nhơn Tây	10	10	100	100	100	100
11	Phường An Nhơn Nam	10	10	100	100	100	100
12	Phường An Nhơn Bắc	10	10	100	100	100	100
13	Phường Bồng Sơn	5	5	100	100	100	100
14	Phường Hoài Nhơn	10	10	100	100	100	100
15	Phường Tam Quan	5	5	100	100	100	100
16	Phường Hoài Nhơn Đông	10	10	100	100	100	100
17	Phường Hoài Nhơn Tây	10	10	100	100	100	100
18	Phường Hoài Nhơn Nam	10	10	100	100	100	100
19	Phường Hoài Nhơn Bắc	10	10	100	100	100	100
20	Xã Phù Cát	5	5	100	100	100	100
21	Xã Xuân An	10	10	100	100	100	100
22	Xã Ngô Mỹ	10	10	100	100	100	100
23	Xã Cát Tiến	10	10	100	100	100	100
24	Xã Đề Gi	10	10	100	100	100	100
25	Xã Hòa Hội	10	10	100	100	100	100
26	Xã Hội Sơn	10	10	100	100	100	100
27	Xã Phù Mỹ	5	5	100	100	100	100
28	Xã An Lương	10	10	100	100	100	100
29	Xã Bình Dương	5	5	100	100	100	100
30	Xã Phù Mỹ Đông	10	10	100	100	100	100
31	Xã Phù Mỹ Tây	10	10	100	100	100	100
32	Xã Phù Mỹ Nam	10	10	100	100	100	100
33	Xã Phù Mỹ Bắc	10	10	100	100	100	100
34	Xã Tuy Phước	5	5	100	100	100	100

Thư ký

STT	Xã, phường	Thuế giá trị gia tăng lĩnh vực ngoài quốc doanh (trừ các đơn vị, doanh nghiệp do cơ quan thuế cấp tỉnh theo dõi địa bàn Bình Định quản lý)	Thuế thu nhập doanh nghiệp lĩnh vực ngoài quốc doanh (trừ các đơn vị, doanh nghiệp do cơ quan thuế cấp tỉnh theo dõi địa bàn Bình Định quản lý)	Thuế nhà, đất; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Lệ phí (hoặc thuế) môn bài cá nhân và hộ kinh doanh	Lệ phí trước bạ nhà, đất
35	Xã Tuy Phước Đông	10	10	100	100	100	100
36	Xã Tuy Phước Tây	10	10	100	100	100	100
37	Xã Tuy Phước Bắc	10	10	100	100	100	100
38	Xã Tây Sơn	5	5	100	100	100	100
39	Xã Bình Khê	10	10	100	100	100	100
40	Xã Bình Phú	10	10	100	100	100	100
41	Xã Bình Hiệp	10	10	100	100	100	100
42	Xã Bình An	10	10	100	100	100	100
43	Xã Hoài Ân	5	5	100	100	100	100
44	Xã Ân Tường	10	10	100	100	100	100
45	Xã Kim Sơn	10	10	100	100	100	100
46	Xã Vạn Đức	10	10	100	100	100	100
47	Xã Ân Hào	10	10	100	100	100	100
48	Xã Vân Canh	20	20	100	100	100	100
49	Xã Canh Vinh	20	20	100	100	100	100
50	Xã Canh Liên	20	20	100	100	100	100
51	Xã Vĩnh Thạnh	20	20	100	100	100	100
52	Xã Vĩnh Thịnh	20	20	100	100	100	100
53	Xã Vĩnh Quang	20	20	100	100	100	100
54	Xã Vĩnh Sơn	20	20	100	100	100	100
55	Xã An Hòa	20	20	100	100	100	100
56	Xã An Lão	20	20	100	100	100	100
57	Xã An Vinh	20	20	100	100	100	100
58	Xã An Toàn	20	20	100	100	100	100

Thư ký